

# GIÁO DỤC VÀ KHOA HỌC GIÁO DỤC TRONG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

PGS.TS. TRẦN KHÁNH ĐỨC

Đại học Quốc gia Hà Nội

**G**iao dục là một lĩnh vực hoạt động xã hội rộng lớn được hình thành do nhu cầu phát triển, tiếp nối các thế hệ của đời sống xã hội thông qua quá trình truyền thụ, phát triển tri thức và kinh nghiệm xã hội của các thế hệ trước cho các thế hệ sau. Cũng như bất kì một hoạt động xã hội nào, hoạt động giáo dục được tổ chức, phát triển nhằm thực hiện có hiệu quả mục đích và các mục tiêu giáo dục phù hợp với trình độ phát triển, thể chế chính trị-xã hội và truyền thống văn hóa- giáo dục.. ở các quốc gia nói riêng và của các *nền văn minh* nói chung.

Thực tiễn phát triển thế giới trong những năm đầu thế kỉ 21 với bức tranh đa dạng và nhiều màu sắc trên mọi mặt của đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa và khoa học-công nghệ đã và đang đặt ra những yêu cầu mới, tạo ra những cơ hội mới, đồng thời cũng đặt ra những thách thức mới trong phát triển giáo dục trong phạm vi toàn cầu cũng như ở từng quốc gia. Sự bùng nổ của kinh tế toàn cầu trong quá trình toàn cầu hóa đã và đang phải đối mặt với thực trạng tăng nhanh khoảng cách giàu nghèo, phân tầng xã hội và khủng hoảng kinh tế toàn cầu trong những năm cuối thập niên đầu thế kỉ 21. Xu hướng hòa bình, hợp tác quốc tế đã và đang phải đối mặt với những xung đột tôn giáo, sắc tộc ở nhiều khu vực và khủng bố quốc tế; những tiến bộ khoa học-công nghệ đặc biệt là trong lĩnh vực sinh học đã và đang đem lại những hy vọng mới cho con người nhưng cũng đồng thời đặt ra những vấn đề gay gắt về môi trường, biến đổi khí hậu, cuộc sống và tính nhân bản, sự thay đổi các thang giá trị đạo đức-xã hội.v.v. Sự chuyển đổi của các thiết chế chính trị-xã hội để tìm kiếm các mô hình phát triển mới, thích hợp trong bối cảnh toàn cầu hóa và phát triển kinh tế thị trường, thương mại toàn cầu (WTO) cũng đã đang và diễn ra ở hầu hết các quốc gia. *Có thể nói trong lịch sử phát triển của thế giới chưa có một thời kì nào mà nhân loại đứng trước những cơ hội phát triển to lớn nhưng đồng thời phải đối mặt với những thách thức nghiệt ngã như giai đoạn hiện nay.*

Trong bức tranh toàn cảnh của lịch sử thế giới, mỗi quốc gia - dân tộc đều phải đứng trước sự lựa chọn mang tính sống còn cho mô hình phát triển độc đáo của mình. Tính chất độc đáo trong tiến trình phát triển của mỗi quốc gia càng tăng trong quá trình chuyển

biến của thế giới ngày nay, từ thế giới hai cực sang thế giới đa cực với sự đan xen các quan hệ nhiều mặt giữa các quốc gia và sự khẳng định bản sắc văn hoá dân tộc trong đời sống cộng đồng thế giới, giữa truyền thống và hiện đại, giữa cá nhân và cộng đồng .v.v...

Trong bối cảnh đó, tư duy và tầm nhìn chiến lược không chỉ mang tính sống còn đối với từng quốc gia-dân tộc mà ngay cả đối với từng tổ chức, từng cá nhân trong đời sống xã hội hiện đại. Chúng ta đã và sẽ chứng kiến “những đột phá hào hứng nhất của thế kỷ 21 sẽ xảy ra không phải do kĩ thuật mà do sự truyền bá quan niệm Làm người nghĩa là gì ?” Hay nói cách khác không phải kĩ thuật-công nghệ hiện đại mà chính Con Người- đối tượng và sản phẩm của nền giáo dục hiện đại sẽ tạo ra những đột phá hứng nhất trong thế kỷ 21. Những chuyển đổi các mặt của đời sống xã hội hiện đại đã và đang đặt ra cho giáo dục vai trò và sứ mạng mới chưa từng có trong lịch sử. Trong bối cảnh đó, 4 trụ cột lớn của nền giáo dục hiện đại: học để biết, để sáng tạo, học để làm và phát triển, học để chung sống và học để làm người do UNESCO đề xướng đã và đang phát huy tính tích cực to lớn của mình trong tiến trình phát triển giáo dục của các quốc gia.

## 1. Quá trình phát triển và các đặc trưng của giáo dục theo các nền văn minh

Lịch sử phát triển của xã hội loài người là lịch sử phát triển của các hình thái kinh tế-xã hội và các nền văn minh. Tiếp cận theo các nền văn minh, Alwin Tof-fer (1992) nhà dự báo Mỹ nổi tiếng đã phân tích lịch sử phát triển của xã hội theo 3 lần sóng lớn (giai đoạn phát triển) chính:

**1.1. Xã hội nông nghiệp** là một xã hội mà nền kinh tế dựa vào nguồn tài nguyên thiên nhiên và lao động giản đơn, sản xuất nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Sản phẩm nông nghiệp dựa vào những điều kiện tự nhiên và con người làm việc theo kinh nghiệm với phương pháp thử và sai. Hệ thống giáo dục chưa phát triển và vì lí do đó, số lượng người được đào tạo có trình độ học vấn ở mức thấp. Các cơ sở giáo dục nhỏ bé, phân tán và chủ yếu dựa vào mô hình *nhà trường gia đình* trong các cộng đồng, làng mạc. Tài nguyên và giá trị của quốc gia dựa vào đất đai và

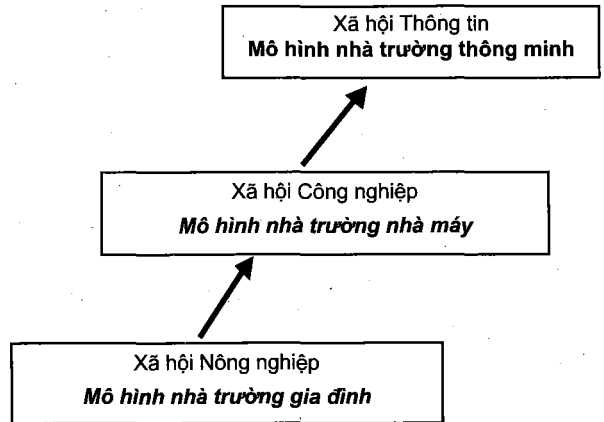


dân số. Ở châu Á (bao gồm Việt Nam, Trung Quốc và Hàn Quốc) đây là giai đoạn xã hội được xây dựng dưới chế độ phong kiến và theo nền giáo dục Nho giáo. Đồng thời cũng là thời kỳ phát triển của các tư tưởng giáo dục Phật giáo ở Ấn Độ và lan tỏa sang nhiều quốc gia khác đặc biệt ở Châu Á. Ở Châu Âu, trong thời kỳ này giáo dục chịu ảnh hưởng và chi phối bởi Nhà thờ với các hệ tư tưởng Thiên chúa giáo; Cơ đốc giáo; Đạo Tin lành...

**1.2. Xã hội công nghiệp** bắt đầu hình thành từ thế kỷ 17-18 ở Châu Âu (Đức, Pháp, và Anh) với sự phát triển nhanh về khoa học-công nghệ và các lĩnh vực sản xuất công nghiệp như: cơ khí, điện tử, hóa chất... Nền kinh tế chủ yếu dựa vào mạng lưới của các cơ sở khai khoáng, nhà máy cơ khí và điện tử. Nền kinh tế thị trường và giao dịch thương mại đó thiết lập nên thị trường hàng hóa, thị trường lao động. Năng lực làm việc và sức lao động trở thành hàng hóa. Giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu về việc gia tăng nhân lực lao động kĩ thuật và dịch vụ. Hệ thống trường học theo mô hình nhà máy, đặc biệt là hệ thống giáo dục kĩ thuật nghề nghiệp. Giá trị tài nguyên của quốc gia dựa trên nguồn vốn (tiền-tư bản). Con người (người công nhân, nhân lực) là chỉ một thành phần đầu vào của quá trình sản xuất. Xã hội công nghiệp khởi đầu từ thế kỷ 17-18 gắn liền với sự phát triển mạnh mẽ về nghệ thuật, khoa học và công nghệ.. của nền văn minh phương Tây và chịu sự chi phối cùng ảnh hưởng của hệ tư tưởng và triết lí phương Tây với các đại diện xuất sắc như Heghen; Kant... cùng các nhà tư tưởng giáo dục lớn như Jean Piaget (Thụy Sĩ); Emile Durkheim (Pháp). John Dewey (Mỹ)...

**1.3. Xã hội hậu công nghiệp hay còn gọi là xã hội thông tin, kinh tế tri thức** bắt đầu hình thành từ giữa thế kỷ 20 (1960) với sự phát triển nhanh chóng của khoa học hiện đại và công nghệ cao (hi-tech). Nền kinh tế chính dựa vào tri thức và mạng lưới thông tin. Giá trị hàng hóa và dịch vụ phụ thuộc vào hàm lượng chất xám. Hệ thống giá trị tài nguyên của quốc gia dựa

Hình 1: Các bước của quá trình phát triển xã hội và mô hình nhà trường



vào tri thức và kĩ thuật hiện đại. Nguồn vốn con người là giá trị quan trọng nhất. Giáo dục cùng với khoa học và công nghệ là thành phần, là động lực chính để phát triển đất nước.

Xã hội hậu công nghiệp đã và đang phát triển mạnh mẽ với nhiều quan điểm, tư tưởng giáo dục mới phù hợp với nhu cầu mới của thời đại kinh tế tri thức như: giáo dục cho mọi người; xây dựng xã hội học tập; học suốt đời; bốn trụ cột của nền giáo dục hiện đại (UNESCO); E-learning....

Trong giai đoạn này, trường học theo mô hình của cơ sở nghiên cứu và sáng tạo, nhà trường thông minh (sáng tạo, khai phá, quá trình dạy học dựa vào mạng lưới thông tin). Sự phát triển của xã hội và nhà trường tại mỗi giai đoạn được trình bày theo hình 1.

Những đặc trưng của nhà trường sẽ thay đổi khi nhà trường chuyển từ nền giáo dục truyền thống sang hiện đại, bao gồm: các loại hình trường, mục đích và nội dung giáo dục, phương pháp dạy và học, cách đánh giá, mối liên hệ giữa nhà trường và cộng đồng. Những đặc trưng trong tương lai của trường học theo các giai đoạn phát triển của xã hội được trình bày ở bảng 1.

**Bảng 1: Các đặc trưng của trường học trong mỗi giai đoạn phát triển của xã hội**

Các loại hình trường / Các đặc trưng	Xã hội Nông nghiệp <i>Mô hình nhà trường truyền thống</i>	Xã hội Công nghiệp <i>Mô hình nhà trường hiện đại</i>	Xã hội Thông tin <i>Mô hình nhà trường tương lai</i>
<b>Mục đích và mục tiêu</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không rõ ràng</li> <li>- Tổng quát và rộng về phạm vi kiến thức</li> <li>- Đào tạo tầng lớp quan lại và tri thức tinh hoa</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hẹp, chuyên môn hóa</li> <li>- Phát triển kĩ năng</li> <li>- Đào tạo nhân lực đa cấp ngành</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng hợp</li> <li>- Phát triển cá nhân</li> <li>- Phát triển sự sáng tạo và sự tự đánh giá</li> </ul>



<b>Tổ chức/ cơ cấu</b>	- Đơn giản - Rời rạc	- Cấu trúc dọc, theo cấp bậc trình độ và lớp - Đa dạng cấp bậc trình độ	- Cấu trúc linh hoạt - Đa dạng cấu trúc - E-learning - Không cấp bậc, lớp
<b>Nội dung</b>	- Truyền thụ/ lí thuyết - Lí thuyết xã hội - Giá trị văn hóa - Học theo kinh nghiệm của thầy	- Khoa học và kĩ thuật. - Chuyên biệt - Giáo dục giá trị - Học theo chương trình	- Khoa học, kĩ thuật, văn hóa, các giá trị phổ biến. - Lựa chọn học theo khả năng và cá nhân - Nội dung tổng hợp - Hội nhập
<b>Phương pháp dạy và học</b>	- Nhóm học trò/ cá nhân - Ghi chép - Tập trung vào khả năng nhớ	- Đào tạo số đông - Học tích cực - Học đề làm - Tương tác - Thảo luận	- Phát triển đa dạng trí thông minh - Khám phá – sáng tạo - Tự học
<b>Hình thức học</b>	- Cá nhân - Tự tổ chức - Mặt đối mặt	- Lớp học - Mặt đối mặt - Làm việc nhóm	- Tự học - Trực tuyến/ tại nhà - Học dựa trên sự nghiên cứu và khám phá
<b>Phương tiện dạy học</b>	- Thủ công (lời nói, bảng phấn) - Truyền thông trực tiếp	- Máy móc hỗ trợ dạy học - Phòng thí nghiệm - Video/Tivi	- Máy vi tính - Đa phương tiện. - Hệ thống truyền thông
<b>Cách đánh giá</b>	- Định tính, chủ quan - Thiên về số lượng	- Đào tạo hàng loạt - Dựa trên bài kiểm tra, kết quả - Kết hợp đánh giá ngoài và đánh giá trong.	- Tự đánh giá - Chất lượng hiệu quả
<b>Quản lí</b>	- Trên xuống dưới - Áp lực - Tập trung vào kiểm soát - Kiểm soát chất lượng	- Tập trung hóa - Kết hợp trên –dưới và dưới - trên - Đảm bảo chất lượng - Hợp tác	- Phân tán hóa - Tự quản lí
<b>Giáo viên</b>	- Đa năng - Đa lĩnh vực	- Chuyên môn hóa theo từng lĩnh vực giáo dục - Đa dạng	- Chất lượng cao - Đa khả năng

## 2. Khoa học giáo dục và nghiên cứu khoa học giáo dục

Khoa học giáo dục (KHGD) là một lĩnh vực khoa học chuyên ngành nghiên cứu các sự vật, hiện tượng, các vấn đề, các quá trình giáo dục (GD) nhằm tìm hiểu các đặc tính, các mối quan hệ, phát hiện các qui luật của các quá trình, hoạt động GD. (trong và ngoài nhà trường). Cũng như bất cứ một lĩnh vực nghiên cứu khoa học nào, các nghiên cứu về KHGD đều trước hết phải dựa trên cơ sở thực tiễn GD và những quan điểm lí luận cơ bản, nền tảng phản ánh những quan điểm GD tiến bộ của dân tộc và thời đại, những quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy. Đặc biệt trong lĩnh vực GD, các hệ tư tưởng, triết lí xã hội và GD, các học thuyết, cơ sở lí luận về con

người và xã hội, hoạt động và nhân cách, về tư duy và nhận thức khoa học, về phép biện chứng duy vật, các quan điểm và các qui luật phát triển khoa học-công nghệ... là những cơ sở phương pháp luận quan trọng để xây dựng, ứng dụng và nghiên cứu các vấn đề trong lĩnh vực KHGD. Nói một cách khác, phương pháp luận là hệ thống lí luận về phương pháp phản ảnh hệ thống các quan điểm, tiền đề xuất phát và các quy luật chung nhất của quá trình phát triển của xã hội, tự nhiên và tư duy làm cơ sở cho công tác nghiên cứu và ứng dụng trong khoa học nói chung và trong lĩnh vực KHGD nói riêng.

Mỗi một ngành khoa học cụ thể đều có đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu cùng hệ thống các tri thức (phạm trù, khái niệm...) phản ảnh các đặc

thù, các quy luật vận động và phát triển của các sự vật và hiện tượng trong lĩnh vực nghiên cứu. Những thành tựu và trình độ phát triển của các ngành khoa học phụ thuộc rất nhiều vào trình độ phát triển và ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học đặc thù nói riêng. Các phương pháp nghiên cứu cụ thể của các chuyên ngành khoa học được phát triển trên cơ sở phương pháp luận khoa học và do đó phương pháp luận với cách hiểu là hệ thống lí luận về phương pháp trở thành một bộ phận tri thức quan trọng của bất kì một lĩnh vực khoa học nào trong đó có lĩnh vực KHGD.

Cơ sở phương pháp luận trong lĩnh vực KHGD là các quan điểm tư tưởng, lí luận triết học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các trào lưu triết học, tư tưởng tiến bộ khác của nhân loại phản ánh những quy luật khách quan và chung nhất trong quá trình phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy. Ở đây, cần đặc biệt nhất mạnh đến vai trò của các cơ sở phương pháp luận về phép biện chứng duy vật được P. Ăng ghen kế thừa và phát triển trong các công trình nghiên cứu của mình. Các cơ sở nhận thức luận khoa học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử không chỉ có tác dụng định hướng khi tiếp cận các vấn đề nghiên cứu trong lĩnh vực KHGD mà còn tạo ra cơ sở lí luận vững chắc cho quá trình hình thành và phát triển các phương pháp nghiên cứu và ứng dụng cụ thể trong lĩnh vực này. Các quan điểm vận động trong các quá trình phát triển của các sự vật và hiện tượng; các quy luật phổ biến và đặc thù; các cặp phạm trù về các mối quan hệ: bản chất-hiện tượng; chung-riêng; chất-lượng; nhân-quả, hình thức- nội dung v.v... là những cơ sở cơ bản trong tư duy khoa học khi nghiên cứu các quá trình và hiện tượng GD trong lĩnh vực KHGD.

Một trong những đặc điểm cơ bản của công tác nghiên cứu và ứng dụng trong lĩnh vực KHGD là nghiên cứu các đặc trưng của mối quan hệ giữa con người với môi trường xã hội-tự nhiên và hệ thống kĩ thuật-công nghệ. Hệ thống kĩ thuật-công nghệ vừa là sản phẩm của trí tuệ sáng tạo của con người vừa là một thực thể khách quan, là công cụ mà con người cần phải nắm lấy để nâng cao năng lực nhận thức và cải tạo tự nhiên, nâng cao trình độ phát triển của nền văn minh xã hội. Những quan điểm, tư tưởng nhân văn tiến bộ trong xã hội công nghệ, các đặc trưng và mối quan hệ con người với con người trong hệ thống kĩ thuật-công nghệ luôn vận động và phát triển từ những hình thái đơn giản đến phức tạp, từ trình độ thấp đến trình độ cao là những cơ sở có tính phương pháp luận đối với quá trình nghiên cứu các vấn đề, các sự vật và hiện tượng trong lĩnh vực KHGD.

KHGD là một chuyên ngành khoa học xã hội có liên

quan trực tiếp đến các lĩnh vực triết học, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn và khoa học công nghệ. Các đặc trưng và quy luật phát triển của các lĩnh vực trên là cơ sở khoa học trực tiếp trong quá trình phát triển lí luận KHGD và đào tạo. Sự phạm hoá các quá trình nhận thức-hành động, quá trình công nghệ, các hoạt động lao động nghề nghiệp, chuyên môn, nghiệp vụ GD ... trong các môi trường xã hội-tự nhiên cụ thể để xây dựng và phát triển các phương thức, các qui trình đào tạo hợp lí, có hiệu quả là một trong những nhiệm vụ cơ bản của KHGD.

Quá trình triển khai nghiên cứu và ứng dụng các vấn đề đặt ra trong lí luận và thực tiễn giáo dục cần được định hướng theo các quan điểm tiếp cận sau:

### 2.1. Quan điểm hệ thống

Mọi sự vật, hiện tượng trong đời sống xã hội nói chung và trong các hoạt động giáo dục nói riêng đều có mối liên hệ chặt chẽ, chi phối lẫn nhau trong các cấp hệ thống nhất định. Chẳng hạn như mỗi một phương pháp dạy học cụ thể đều nằm trong một quá trình dạy học tổng thể với một hệ thống cấu trúc có mối quan hệ chặt chẽ giữa mục tiêu, nội dung; phương pháp và phương tiện, hình thức tổ chức dạy-học.v.v... và môi trường hoạt động (lớp học, xưởng trường, công trường, xí nghiệp...). Tiếp cận hệ thống cho phép nhận diện và nghiên cứu các vấn đề GD một cách toàn diện, dự tính đầy đủ vị trí, vai trò, chức năng, các mối quan hệ và các tác động qua lại giữa các thành phần trong cấu trúc hệ thống cả ở bên trong và bên ngoài.

### 2.2. Quan điểm phát triển

Các sự vật, hiện tượng luôn vận động và phát triển theo các quy luật chung và các quy luật đặc thù. Tiếp cận nghiên cứu theo quan điểm phát triển cho phép nhìn nhận và nghiên cứu vấn đề xã hội nói chung và trong GD nói riêng trong quá trình diễn tiến không chỉ trong quá khứ, hiện tại mà còn cần định hướng đến tương lai. Quan điểm phát triển có ý nghĩa quan trọng trong điều kiện phát triển nhanh chóng về kinh tế - xã hội, tiến bộ khoa học - công nghệ của thời đại ngày nay trong phạm vi từng nước và toàn cầu.

### 2.3. Quan điểm thực tiễn

"Thực tiễn là tiêu chuẩn, là thước đo của chân lí" vì vậy, các nghiên cứu trong KHGD đều cần dựa trên các cơ sở thực tiễn của giáo dục và của đời sống xã hội, văn hóa, hoạt động nghề nghiệp (trên quy mô toàn hệ thống hoặc ở từng cơ sở đào tạo). Đồng thời, hướng tới giải quyết những nhu cầu thực tế trong các loại hình hoạt động này. Kết hợp chặt chẽ giữa cơ sở lí luận và thực tiễn là một yêu cầu đồng thời là một bảo đảm cho sự thành công của các công trình nghiên cứu về khoa học nói chung và trong lĩnh vực

GD nói riêng.

#### **2.4. Quan điểm khách quan**

Để khám phá những đặc trưng bản chất và các quy luật khách quan của sự vận động và phát triển của các đối tượng, vấn đề nghiên cứu, quá trình nghiên cứu cần đảm bảo tính khách quan, hạn chế đến mức thấp nhất những nhân tố chủ quan, định kiến, suy diễn áp đặt khi tìm hiểu, phân tích và đánh giá các vấn đề nghiên cứu. Quan điểm khách quan bảo đảm các kết quả trung thực của quá trình nghiên cứu và nâng cao giá trị khoa học, giá trị thực tiễn của các kết quả nghiên cứu nói chung và trong lĩnh vực nghiên cứu KHGD nói riêng.

Một trong những vấn đề quan trọng, có tính phương pháp luận trong các nghiên cứu KHGD là vấn đề xác định đối tượng nghiên cứu của KHGD. Ở mức độ chung nhất, đối tượng nghiên cứu KHGD là quá trình GD ở trong và ngoài nhà trường (xí nghiệp - công ti ... ngoài xã hội) ...v.v. Quá trình GD có cấu trúc phức tạp bao gồm nhiều nhân tố khác nhau: mục tiêu - nội dung - phương pháp, phương tiện - hình thức tổ chức - phương pháp đánh giá, môi trường hoạt động. GD và dạy-học với các nhân vật cơ bản là nhà quản lí GD, giáo viên và học sinh. Có thể nói, quá trình GD là quá trình thực hiện đồng thời và tương hỗ (tương tác) các hoạt động dạy (của giáo viên) và hoạt động học (của học sinh) để thực hiện các nhiệm vụ, nội dung GD và hướng tới đạt được mục tiêu GD trong các môi trường và điều kiện dạy học cụ thể. Tùy theo từng loại hình nghiên cứu mà mỗi đề tài có các đối tượng cụ thể khác nhau. Trong lĩnh vực GD có những công trình nghiên cứu toàn bộ quá trình đào tạo của một cấp, bậc học hay một ngành, nghề đào tạo cụ thể nhưng cũng có những đề tài nghiên cứu chuyên biệt từng bộ phận cấu thành quá trình giáo dục như các công trình nghiên cứu về đổi mới mục tiêu, nội dung đào tạo; phát triển chương trình đào tạo; ứng dụng các phương pháp dạy- học tích cực; nghiên cứu các phương pháp đánh giá chất lượng đào tạo, quản lí nhà trường, quản lí quá trình đào tạo, quản lí chất lượng đào tạo .v.v... Tuy nhiên, dù các đề tài nghiên cứu các đối tượng cụ thể thì cũng cần xem xét, nghiên cứu các sự vật hiện tượng trong mối quan hệ đa dạng giữa các thành phần cấu trúc trong quá trình dạy - học, môi trường giáo dục và các vấn đề, khía cạnh khác có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động GD mầm non, phổ thông và đào tạo nghề nghiệp (đại học và dạy nghề, chuyên nghiệp)

Như chúng ta đã biết, phương pháp luận nghiên cứu khoa học là hệ thống lí luận về phương pháp phản ánh các quan điểm cơ bản, các tiền đề xuất phát và các quy luật chung nhất của đời sống xã hội, của tự nhiên và tư duy. Cơ sở phương pháp luận có

ý nghĩa hết sự quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển các lĩnh vực nghiên cứu và ứng dụng KHGD. Ý nghĩa quan trọng của phương pháp luận trước hết thể hiện ở chỗ nó trang bị cho người nghiên cứu hệ thống các quan điểm nhận thức, quan điểm tiếp cận, tư duy khoa học đúng đắn và khách quan khi xem xét và tiếp cận nghiên cứu các quá trình, các vấn đề, hiện tượng trong lĩnh vực GD và đào tạo. Trên cơ sở đó, vận dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể phù hợp với từng đối tượng và nhiệm vụ, nội dung nghiên cứu tương ứng. Hệ thống phương pháp luận khoa học nói chung và phương pháp luận KHGD nói riêng không phải là một hệ thống xơ cứng, giáo điều mà nó luôn luôn được bổ sung và phát triển dựa trên những thành tựu mới của tất cả các ngành khoa học-công nghệ, khoa học xã hội- nhân văn và tiến bộ xã hội. Sự phát triển của hệ thống phương pháp luận khoa học có tác dụng trực tiếp đến quá trình mở rộng loại hình và nâng cao chất lượng, hiệu quả của các công trình nghiên cứu và ứng dụng và do đó, góp phần thúc đẩy sự phát triển của các lĩnh vực khoa học tương ứng.

Những nhân tố đặc trưng của nghiên cứu khoa học:

- Tính sáng tạo
- Tính mới hoặc đổi mới
- Sử dụng các phương pháp khoa học
- Sản xuất ra các kiến thức mới.

Một hoạt động khoa học chỉ được coi là nghiên cứu khoa học nếu như bốn yếu tố trên đây được tập hợp đầy đủ. Nghiên cứu khoa học là tập hợp toàn bộ các hệ thống các hoạt động sáng tạo nhằm phát triển kho tàng kiến thức khoa học và áp dụng chúng vào thực tiễn.

Hoạt động nghiên cứu khoa học trong các khoa học xã hội và nhân văn ( trong đó có KHGD) có thể được hiểu là tập hợp các hoạt động có hệ thống và sáng tạo nhằm phát triển hoặc hoàn thiện những kiến thức về con người, về văn hoá và xã hội, về GD kể cả việc áp dụng những kiến thức này vào việc giải quyết những vấn đề xã hội, GD và nhân văn.

Ví dụ, công việc thực hiện hàng ngày khi thực hiện một bài dạy lí thuyết trên lớp hoặc hướng dẫn thực hành, hướng dẫn thí nghiệm của người giáo viên không thuộc nghiên cứu khoa học. Cho dù hoạt động này đòi hỏi phải vận dụng các tri thức khoa học và cách làm sáng tạo của người dạy nhưng nó không trực tiếp đóng góp làm phát triển kho tàng kiến thức KHGD, lí luận và phương pháp dạy học và không dùng phương pháp khoa học, mà là dùng phương pháp dạy học bình thường. Nhưng những hoạt động tìm hiểu những đặc trưng, qui luật, xu hướng của lí luận và phương pháp dạy học và triển khai ứng dụng trong một bài giảng cụ thể của giáo viên hoặc một nhóm



	LOẠI HÌNH NGHIÊN CỨU	THUỘC TÍNH BẢN CHẤT
1	Nghiên cứu cơ bản	Nhận thức mới về thuộc tính bản chất của các hiện tượng sự vật, thể hiện dưới dạng các khái niệm, định lí, định luật, quy luật, lí thuyết, học thuyết v.v... như nghiên cứu về nhân cách, lí thuyết phát triển chương trình, bản chất của quá trình dạy học, các chức năng cơ bản của quản lí GD.vv
2	Nghiên cứu ứng dụng	Tìm ra các phương thức hành động, các quy trình, các giải pháp (giải pháp tổ chức, kinh tế, xã hội, kĩ thuật và công nghệ ứng dụng) trên cơ sở khoa học và phù hợp với nhu cầu thực tiễn. Như nghiên cứu thiết kế chương trình đào tạo mới ứng dụng phương pháp dạy học mới, công nghệ dạy học hiện đại.vv
3	Triển khai thực nghiệm.	Hình mẫu khả thi (về mặt kĩ thuật thực hiện ở một phạm vi nhất định) Như thí điểm loại hình đào tạo mới, thực nghiệm sư phạm, thực nghiệm chương trình đào tạo mới.v.v

*Bảng 2: Tiêu chuẩn phân biệt triển khai thực nghiệm với nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng trong giáo dục*

các nhà nghiên cứu để đưa lại những kết quả mới (tri thức mới, cách làm mới ..v.v) thì lại là một hoạt động nghiên cứu KHGD.

Tiêu chuẩn chính để phân biệt triển khai thực nghiệm với nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực GD thể hiện ở bảng 2.

Như vậy, điều khác biệt cơ bản là, trong khi nghiên cứu cơ bản và ứng dụng chủ yếu nhằm phát triển kiến thức khoa học-công nghệ thì triển khai thực nghiệm nhằm đưa ra những hình mẫu có khả năng ứng dụng mới, sản phẩm mới trong những điều kiện và phạm vi nhất định trong xã hội nói chung và trong giáo dục nói riêng.

**Kết luận**

Trong quá trình phát triển của xã hội loài người từ nền văn minh nông nghiệp, văn minh công nghiệp và hậu công nghiệp, GD và đời sống xã hội có mối quan hệ, tác động qua lại rất chặt chẽ và qua đó thúc đẩy sự phát triển của xã hội nói chung và GD trong nhà trường nói riêng. Sự phát triển hiện đại đã và đang đặt ra những yêu cầu mới, những thách thức mới cho GD cả ở phạm vi vĩ mô (quản lí nhà nước, phát triển hệ thống GD) và mức độ vi mô (quá trình GD, dạy-học ở các cơ sở GD) và đồng thời cũng đặt ra cho KHGD những yêu cầu mới, những thách thức mới. Phát triển KHGD hiện đại để thực sự trở thành bó đuốc soi đường cho quá trình phát triển nền GD Việt nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đã và đang là sứ mạng vẻ vang của khoa học và các nhà KHGD nước ta.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH**

1. Đặng Quốc Bảo. *Cẩm nang nâng cao năng lực quản lí nhà trường*, NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội 2007.
2. Nguyễn Minh Đường - Phan Văn Kha (Đồng chủ biên) *Đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu CNH&HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội 2006.
3. Trần Khánh Đức (Đồng chủ biên). *Giáo dục Việt Nam-đổi mới và phát triển hiện đại hóa*. NXB Giáo dục 2007.
4. Trần Khánh Đức. *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỉ XXI*. Nhà xuất bản giáo dục 2010.
5. Nguyễn Thị Mỹ Lộc (chủ biên). *Một số vấn đề về giáo dục học đại học*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội 2004.
6. Thái Duy Tuyên. *GD học hiện đại - những vấn đề cơ bản*. NXB Đại học quốc gia Hà Nội Hà Nội 2001.
7. Phạm Minh Học.(chủ biên). *Giáo dục thế giới đi vào thế kỉ XXI*. NXB Chính trị quốc gia 2002.
8. Vũ Ngọc Hải-Trần Khánh Đức. *Hệ thống GD hiện đại trong những năm đầu thế kỉ XXI - Việt nam và Thế giới* Nhà xuất bản Giáo dục. Hà Nội 2003 .
9. Alwin Toffler. *Làn sóng thứ ba* - NXB Thông tin lí luận. Hà Nội-1992.
10. John Naisbitt và Patricia Aburdene. *Mười xu hướng lớn năm 2000*. NXB TP Hồ Chí Minh. Năm 1992.
11. Ngân hàng thế giới (WB). *Tri thức cho phát triển*. -NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội 1998.
12. UNESCO. *Chấn hưng những nhà cải cách giáo dục tiêu biểu trên thế giới*. NXB thế giới 2005.
13. Tran Khanh Duc. *Vietnamese Schooling in Transition: Industrialization and Modernization* The Journal of International Cooperation in Educational Vol. 11 No.1 pp 85-96

**SUMMARY**

*For clear understanding of education and education sciences and education science in modern society the author analyses the development process and educational characteristics of education in civilizations (agricultural, industrial, information and knowledge society), characterize schools in each developmental stage; based on that education sciences and education research are oriented by 4 approaches (systematic, developmental, practical, objective); typical factors and types of education research in modern society.*